

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Vinh

Ông Vương Xuân Tượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 702/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/03/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hoàng Oa, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: số 1K, đường Hoàng Hoa Thám, Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trần Minh Th, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: số 1K, đường Hoàng Hoa Thám, Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Sông Cái), vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/8/2020 được chuyển đến Tòa án ngày 04/8/2020, bản tự khai ghi ngày 02/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hoàng Oa trình bày: Chị Oa và anh Trần Minh Th kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà sống tại địa chỉ: số 1K, đường Hoàng Hoa Thám, Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th thường xuyên

chơi cờ bạc (hình thức bắn cá) và sử dụng ma túy, chị Oa đã nhiều lần khuyên giải, cho anh Th cơ hội thay đổi nhưng anh Th không bỏ được việc đánh bạc và sử dụng ma túy. Đến đầu năm 2020 anh Th bị bắt tạm giam và xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 50/2020/HSST ngày 27/5/2020 nên vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 1/2020 cho đến nay. Nay chị Oa xác định không còn tình cảm với anh Th, mục đích hôn nhân giữa chị và anh Th không đạt được nên chị Oa yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê Minh Nh, sinh ngày 31/8/2016. Khi ly hôn chị Oa yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Oa xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và đơn xin vắng mặt cùng nghị ngày 05/11/2020 anh Trần Minh Th trình bày: Anh Th và chị Oa kết hôn năm 2015 tại UBND xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: số 1K, đường Hoàng Hoa Thám, Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 1/2020 do anh Th bị bắt tạm giam trong vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Oa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Th không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương chị Oa, anh Th mong muốn sau khi ra tù sẽ hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Anh Th và chị Oa có 01 con chung tên Trần Lê Minh Nh, sinh ngày 31/8/2016. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị Oa ly hôn, anh Th có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Oa cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Th hiện đang chấp hành án tại Trại giam Sông Cái và có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh Th theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Hoàng Oa vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các phiên hòa giải, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh Th; Về con chung: Chị Oa yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Oa xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử là đúng theo quy định; Quan điểm giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hoàng Oa, Cho chị Lê Thị Hoàng Oa và anh Trần Minh Th được ly hôn; Giao con chung tên Trần

Lê Minh Nh, sinh ngày 31/8/2016 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật; Về cấp dưỡng nuôi con chị Oanh không yêu cầu nên không đề cấp xem xét; Về án phí: buộc chị Oa phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Hoàng Oa khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Trần Minh Th, nơi cư trú: số 1K, đường Hoàng Hoa Thám, Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, yêu cầu giải quyết về nuôi con khi ly hôn, anh Th vắng mặt nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Th đã được Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Th có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như phiên tòa xét xử vụ án tại Tòa án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Th theo quy định Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hoàng Oa và anh Trần Minh Th đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 100/2015, quyển 01/2015 ngày 25/11/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Oa và anh Th hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th ham mê cờ bạc và sử dụng ma túy. Anh Th không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị Oanh nhưng năm 2020 anh Th bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử tuyên phạt Trần Anh Th 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2020, tại phiên tòa chị Oa xác định không còn tình cảm với anh Th và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Th ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị Oa và anh Th không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Oa là có căn cứ phù hợp với các quy định tại các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận, cho chị Oa và anh Th ly hôn.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Hoàng Oa và anh Trần Minh Th có 01 con chung tên Trần Lê Minh Nh, sinh ngày 31/8/2016. Ly hôn anh Thi và chị Oa cùng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, anh Th hiện

đang chấp hành án theo bản án số 50/2020/HSST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt mà con chung hiện đang ở với chị Oa, con sinh sống và học hành ổn định. Xét anh Th không đủ điều kiện để nuôi con nên chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Oa. Vì vậy, giao con chung cho chị Oa trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Oa và anh Th đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Hoàng Oa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203 và Điều 266; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Hoàng Oa, cho chị Lê Thị Hoàng Oa và anh Trần Minh Th ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Lê Minh Nh, sinh ngày 31/8/2016 cho chị Lê Thị Hoàng Oa trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật. Chị Oa không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hoàng Oa phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí mà chị Oa đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003287 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Hoàng Oa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Minh Th vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niên yết hợp lệ.

5. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi*

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Chu Văn Bình